

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng năm 2021
của Trường Đại học Tiền Giang)*

Tên chương trình: **ĐẠI HỌC LUẬT**

Tên ngành đào tạo : LUẬT

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã số : 7380101

Hình thức đào tạo : Chính quy

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Luật nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực pháp lý theo định hướng chuyên nghiệp. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên đạt được: (1) Phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức và có trách nhiệm với xã hội; (2) Kiến thức cơ bản về văn hóa - xã hội; (3) Kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành; (4) Khả năng tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng chuyên ngành luật vào các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình Đại học Luật đạt được:

2.1. Kiến thức

Sinh viên được đào tạo sẽ có kiến thức về:

- Chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng.

- Có kiến thức chuyên môn về pháp luật đặc biệt là pháp luật trong lĩnh vực hành chính, dân sự, hình sự, kinh doanh - thương mại, đất đai, môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;

- Có kiến thức Anh văn giao tiếp cơ bản;

- Có kiến thức Tin học ứng dụng trong văn phòng.

2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng các kiến thức, phương pháp đã học vào công việc nghiên cứu và những hoạt động thực tiễn cụ thể liên quan đến luật học.

- Có kỹ năng giao tiếp xã hội tích cực, làm việc nhóm và quản lý.

* *Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật sẽ có cơ hội và khả năng làm việc ở các vị trí sau:

- *Chuyên viên* làm việc tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp trong bộ máy nhà nước;

- *Nhân viên* bộ phận pháp chế hoặc nhân sự tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- *Chuyên gia* tư vấn pháp lý, luật sư; trọng tài viên, thừa phát lại, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, thanh tra viên, chấp hành viên, công chứng viên, tư vấn viên, trợ lý pháp luật, thư ký toà án, cán bộ các cơ quan nội chính;

- *Giảng dạy* và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên sâu thuộc lĩnh vực pháp luật tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

** Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp*

- Tiếp tục học tập nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về các chuyên ngành thuộc lĩnh vực luật học;

- Tiếp tục học để có thể được bổ nhiệm các chức danh tư pháp;

- Đủ năng lực để nghiên cứu chuyên sâu về khoa học pháp lý cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

2.3. Phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức trong sạch.

- Có thái độ trung thực và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có tâm huyết, đủ đức, đủ tài.

- Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

- Tôn trọng và bảo vệ quyền con người; bảo vệ lợi ích chung.

II. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

III. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **166**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

Không tính các học phần Giáo dục thể chất và 165 tiết Giáo dục quốc phòng).

IV. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng (ngành sư phạm) theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 640/QĐ-ĐHTG ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tiền Giang) và các quy định hiện hành.

VI. Thang điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng (ngành sư phạm) theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang, ban

hành kèm theo Quyết định số 640/QĐ-ĐHTG ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tiền Giang) và các quy định hiện hành.

VII. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	33	12				3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	20	10				2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	20	10				2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20	10				2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							12	6	
00202	Logic học	20	10				2	2	
73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội học	15	15				2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A	20	10				2	2	
15062	Tâm lý học đại cương	20	10				2		
11992	Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp	20	10				2		
05462	Tiếng Việt thực hành A	20	10				2		
1.3. Ngoại ngữ							28	14	
Chọn 1 trong 2 nhóm học phần (mỗi nhóm 14 TC)									
Nhóm 1									
07943	English 1	45					3	14	
07953	English 2	45					3		07943+
07984	English 3	60					4		07943; 07953+
07994	English 4	60					4		07953; 07984+
Nhóm 2									
07093	Tiếng Hàn 1	45					3	14	
07103	Tiếng Hàn 2	45					3		07093
07114	Tiếng Hàn 3	60					4		07103
07124	Tiếng Hàn 4	60					4		07114
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường							5	5	
30042	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	3	
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12421	Võ Vovinam 1			30			1		12371+
12761	Võ Taekwondo 1			30			1		12371+

Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyên 2			30			1		12391 ⁺
12481	Cầu lông 2			30			1		12401 ⁺
12471	Võ Vovinam 2			30			1		12421 ⁺
12771	Võ Taekwondo 2			30			1		12761 ⁺
1.5.2. Giáo dục quốc phòng							165 tiết		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							56	36	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Kiến thức cơ sở							21	21	
71102	Lý luận về Nhà nước và pháp luật 1	30					2	2	
71112	Lý luận về Nhà nước và pháp luật 2	30					2	2	71102 ⁺
71292	Luật Hiến pháp 1	20	10				2	2	71102 ⁺
71302	Luật Hiến pháp 2	20	10				2	2	71292 ⁺
71312	Quyền con người	15	15				2	2	71292 ⁺
71322	Luật học so sánh	20	10				2	2	
71463	Luật Hành chính 1	30	15				3	3	71292 ⁺
71483	Luật Dân sự 1	15	30				3	3	71292 ⁺
71503	Luật Hình sự 1	30	15				3	3	71292 ⁺
2.2. Kiến thức ngành							57	51	
71472	Luật Hành chính 2	20	10				2	2	71463 ⁺
71493	Luật Dân sự 2	15	30				3	3	71483 ⁺
71513	Luật Hình sự 2	15	30				3	3	71503 ⁺
71522	Tội phạm học	20	10				2	2	71513 ⁺
71532	Luật Thương mại 1	15	15				2	2	71292 ⁺
71542	Luật Thương mại 2	15	15				2	2	71532 ⁺
71552	Luật Thương mại 3	15	15				2	2	71542 ⁺
71562	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	20	10				2	2	71552 ⁺
71573	Luật Tổ tụng hành chính	15	30				3	3	71472 ⁺
71582	Luật Tổ tụng dân sự 1	15	15				2	2	71493 ⁺
71592	Luật Tổ tụng dân sự 2	15	15				2	2	71582 ⁺
71602	Luật Tổ tụng hình sự 1	15	15				2	2	71513 ⁺
71612	Luật Tổ tụng hình sự 2	15	15				2	2	71602 ⁺
71622	Luật Tài chính	20	10				2	2	
71632	Luật Ngân hàng	20	10				2	2	
71263	Luật Đất đai	45					3	3	71493 ⁺
71272	Luật Môi trường	30					2	2	
71642	Luật Hôn nhân và Gia đình	15	15				2	2	
71193	Luật Lao động	30	15				3	3	71483 ⁺
71652	Công pháp quốc tế	15	15				2	2	
71662	Tư pháp quốc tế	15	15				2	2	
71672	Luật Thương mại quốc tế	15	15				2	2	71532 ⁺
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
71682	Thanh tra và khiếu nại, tố cáo	20	10				2	2	71472 ⁺
71692	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	20	10				2		71532 ⁺
71702	Pháp luật kinh doanh bất động sản	20	10				2		71532 ⁺
71722	Pháp luật về nhượng quyền thương mại	20	10				2		71532 ⁺
2.3. Kiến thức bổ trợ							24	12	

71342	Công tác hộ tịch	15	15				2	2	
71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật	15	15				2	2	
71432	Công tác thi hành án dân sự	15	15				2	2	71612+
71462	Công chứng, chứng thực	15	15				2	2	
71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản	20	10				2	2	71112+
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật	15	15				2	2	
71442	Thủ tục hành chính về nhà đất	15	15				2		71472+
71032	Kỹ năng giao tiếp công vụ và điều hành công sở	15	15				2		
67192	Quản trị hành chánh văn phòng	20	10				2		
71812	Nghiệp vụ thư ký Tòa án	15	15				2		
71882	Thuật ngữ pháp lý	15	15				2		
71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	15	15				2		71022+
2.4. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp							8	6	
71876	Khóa luận tốt nghiệp					360	6	6	
Học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp									
71862	Thực tập tốt nghiệp				90		2	6	
	Tích lũy đủ 4 TC trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành chưa tích lũy								
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							110	90	
Số tín chỉ tổng cộng: 166 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và từ viết tắt trong nội dung chương trình:

- (*) Phân biệt loại học phân điều kiện, điểm không tính vào tổng số TC
- MHP Mã học phân: Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG, ký ngày 02/8/200, quy định Danh mục mã học phân đang giảng dạy ở Trường ĐHTG.
- LT Lý thuyết: Giờ giảng lý thuyết; tính theo tiết.
- TH1 Thực hành 1: Thảo luận, giải bài tập, thuyết trình ở lớp học lý thuyết có giảng viên hướng dẫn; tính theo tiết
- TH2 Thực hành 2: SV nhìn GV thao tác thực hành ở lớp; phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết
- TT Thực tập: Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường
- ĐA Đồ án: Thực hiện đồ án, bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ.
- TS Tổng số: Số TC của học phân, của chương trình
- TLTT Tích lũy tối thiểu: Số TC SV phải tích lũy đủ trong nhóm học phân của từng khối kiến thức, của chương trình
- HPTQ Học phần tiên quyết
- HPHT⁺ Học phần học trước.

VIII. Sơ đồ đào tạo

(Phụ lục bảng: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học)

IX. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- *Chương trình Giáo dục quốc phòng*: Tổ chức giảng dạy và đào tạo cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

- *Tổ chức thực hiện chương trình*: Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- *Phương pháp giảng dạy*: Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực (minh họa trực quan bằng phim, ảnh, kết hợp thực hành, tham quan thực tế, thực tập trong và ngoài tỉnh Tiền Giang. Chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định riêng của Trường trước khi đăng ký xét tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

